

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 06/7/2021.

(V/v: Ly hôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Bính.
2. Bà: Lê Thị Kiều Thu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2021/TLST- HNGĐ ngày 17/3/2021 “V/v: Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐST – HNGĐ ngày 28/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2021/QĐST – HNGĐ ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Mai Vĩnh A, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: khu phố B, phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Bà Văn Thị Ngọc E, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: khu phố B, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2021, bản tự khai ngày 26/3/2021 nguyên đơn ông Mai Vĩnh A trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Văn Thị Ngọc E tự tìm hiểu chung sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào ngày 22/01/2013, số 18. Năm 2016, ông kinh doanh phá sản, 01 phần do nợ nần, 01 phần do không đồng thuận với gia đình bên vợ nên ông đã bỏ đi vào thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp, sau đó chuyển về Đồng Nai. Năm 2020, bà E cũng bỏ nhà đi và tìm đến ông. Sau một thời gian dài, ông nhận thấy bà E không còn hợp với cuộc sống của ông. Trong thời gian vừa qua, gia đình bà E nhiều lần xúc phạm ông và không còn xem ông là rể. Gia đình ông và gia đình bà

E cũng đã xích mích, mâu thuẫn về việc này. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Văn Thị Ngọc E.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa, ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nữa.

*Bị đơn bà Văn Thị Ngọc E có nơi cư trú tại khu phố B, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Do bà E thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: “thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa” theo quy định của Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa hôm nay vắng mặt bà Văn Thị Ngọc E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung: không có, về tài sản chung và nợ chung ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do nên nguyên đơn không tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn bà Văn Thị Ngọc E có nơi cư trú tại khu phố B, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông Mai Vĩnh A về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Văn Thị Ngọc E vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Mai Vĩnh A và bà Văn Thị Ngọc E là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2013 tại UBND phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 18. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, những năm sau này mâu thuẫn phát sinh, theo ông A cho rằng do ông làm ăn thua lỗ nợ nần nên ông đã bỏ nhà đi nơi khác lập nghiệp, vợ chồng tự sống xa nhau thời gian dài nên không còn hòa hợp nhau nữa. Mặt khác, do phát sinh mâu thuẫn hai bên gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng. Tại biên bản xác minh địa phương nơi

vợ chồng sinh sống cho biết vợ chồng mâu thuẫn nên ông A đã về nhà cha mẹ ruột ở khoảng 4 – 5 năm nay và vợ chồng mạnh ai nấy sống cho đến nay. Qua đây, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Mai Vĩnh A và bà Văn Thị Ngọc E thật sự là có mâu thuẫn xảy ra và mặc dù bà E biết được chồng bà làm đơn xin ly hôn với bà nhưng những lần hòa giải tại Tòa bà E vẫn bỏ mặc không quan tâm đến, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chính vì vậy đã làm cho cuộc hôn nhân của ông bà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng hơn nữa, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bà E đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa nhưng tại phiên toà hôm nay vẫn vắng mặt bà E, chứng tỏ bà E đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình nên việc xét xử vắng mặt bà E là phù hợp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng cho ông A.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Vĩnh A.

Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xét

[3]Về án phí: ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào: khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 01 Điều 51, khoản 01 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Vĩnh A.

-Về quan hệ hôn nhân: ông Mai Vĩnh A được ly hôn với bà Văn Thị Ngọc E.

-Về con chung: không có.

-Về tài sản chung và nợ chung: ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/Về án phí: Ông Mai Vĩnh A nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông A đã nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 004245 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết, được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/7/2021). Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường C, tp. Phan Thiết,, Bình Thuận;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

VŨ THỊ THU HÀ